TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 21-4-2020
V/v " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:18/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc *" ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 01-4-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

ĐKHKTT: A, phường H, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: H, phường A, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994

Nơi cư trú: A, phường HT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiến Thành (nay là phường Hiến Thành) vào ngày 12-9- 2013. Sau khi kết hôn anh chị chung

sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau không có hạnh phúc. Anh H còn chửi bới, đánh đập xúc phạm chị. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019 đến nay. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh H chưa lần nào đến gặp chị để vợ chồng nói chuyện hàn gắn đoàn tụ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh H có đến gặp chị để nói chuyện nhưng chị không đồng ý về. Anh chị đã sống ly thân kể từ đó đến nay mỗi người một nơi, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai H2 sinh ngày 15-9-2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 20-3-2015. Kể từ khi anh chị sống ly thân cháu H2 ở cùng với chị, còn cháu B ở cùng với anh H. Nay vợ chồng anh chị ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H2 còn giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập hàng tháng ổn định khoảng 6.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như giúp chị về việc chăm sóc nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn như chị T khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ đẻ anh. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nhưng chủ yếu là trong cách làm ăn kinh tế. Do vậy vợ chồng xảy ra cãi nhau không còn hạnh phúc. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Anh đã nhiều lần gọi điện động viên chị về đoàn tụ nhưng chị T không về. Chị T nói rằng không thể tiếp tục chung sống cùng anh được nữa. Do vậy anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi. Quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh đã đến gặp chị T để nói chuyện và nhờ gia đình hai bên khuyên giải nhưng chị T không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh

không đồng ý ly hôn. Mặc dù trong cuộc sống hai bên có xảy ra mâu thuẫn va chạm nhưng anh vẫn mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì chị T tự giải quyết việc ly hôn một mình và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên có cơ hội nói chuyện.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T khai là đúng. Nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Mai H2 sinh ngày 15-9-2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng được nuôi cháu B. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai H2 sinh ngày 15-9-2013 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 20-3-2015 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Hơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường HT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn với chị T nhưng thực tế vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Anh H cũng xác định đã cố gắng dùng nhiều biện pháp để hòa giải nhưng chị T không nghe. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nhưng vì con chung nên mong muốn chị T suy nghĩ rút đơn về đoàn tụ. Nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì chị T tự giải quyết một mình, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Hvà gia đình chị T đều xác định anh chị đã sống ly thân, và gia đình đã khuyên giải động viên nhưng không được. Mặc dù anh H mong muốn Tòa án hòa giải nhưng anh lại không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy Hội đồng xử xét thấy hôn nhân giữa giữa chị T và anh H khả năng đoàn tụ là khó xảy ra, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn anh Hlà có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai H2 sinh ngày 15-9-2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 20-3-2015. Kể từ khi anh chị sống ly thân cháu H2 ở cùng với chị T còn cháu B ở cùng với anh H. Chị T sau khi ly hôn có nguyện vọng được nuôi cháu Hương và anh Hcó nguyện vọng được nuôi cháu B. Chị T đồng ý giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng. Anh H đồng ý giao cháu H2 cho chị T nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là

hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và tự nguyện nên áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mai H2 sinh ngày 15-9-2013; giao cho anh Nguyễn Văn H được nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 20-3-2015. Thời gian giao nuôi con chung kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai H2, sinh ngày 15-9-2013 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 20-3-2015 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 *đồng (ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000527 ngày 09-01-2020. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt